

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN HÓC MÔN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 44/2025/HS-ST  
Ngày: 26-02-2025.

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Kim Oanh.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Lê Thị Khanh.

Bà Nguyễn Thị Tịnh Tâm.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Hồ Thị Như Oanh, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Trọng Hiếu - Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 398/2024/TLST-HS ngày 30 tháng 12 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2025/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 02 năm 2025 với bị cáo:

**Phan Văn M** (tên gọi khác: M1), sinh ngày 01 tháng 01 năm 1975 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi thường trú: 1 đường D, Khu phố A, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi ở hiện nay: 1 Khu phố T, phường Đ, thành phố D, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 04/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan Văn M2 (chết) và bà Trương Thị C (chết); Bị cáo chưa có vợ, con; tiền án: Không, tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 05/5/2014 bị Công an thành phố B, tỉnh Đồng Nai xử phạt hành chính về hành vi “Trộm cắp tài sản (Theo Quyết định số 39 ngày 05/5/2014); Ngày 13/01/2015 bị Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” (Theo bản án số 08/2015/HSST ngày 13/01/2015), chấp hành xong ngày 14/4/2015; Ngày 27/6/2017 bị Tòa án nhân dân Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 01 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” (Theo bản án số 68/2017/HSST ngày 27/6/2017), chấp hành xong ngày 05/3/2018; Ngày 28/11/2019 bị Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt

03 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” (Theo bản án số 361/2019/HS-ST ngày 28/11/2019), chấp hành xong ngày 25/01/2022.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 07/9/2024 cho đến nay tại Nhà tạm giữ Công an huyện H và Trại tạm giam Chí Hòa cơ sở T30. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại:* Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1976.

Địa chỉ: 1 khu phố T, phường Đ, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

(bà H1 vắng mặt).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 09 giờ ngày 01/9/2024, Phan Văn M đi từ nhà trọ tại số A khu phố T, phường Đ, thành phố D, tỉnh Bình Dương ra trạm đón xe buýt tại chân cầu L để đón xe buýt số 33 về Bến xe A nhằm thực hiện hành vi lấy trộm tài sản. Cùng lên xe có bà Nguyễn Thị H1 cũng đón tuyến xe này ngay trạm đón xe buýt tại chân cầu L để đến bến xe A. Khi xe đi vào bãi xe của bến xe A thì dừng lại cho khách xuống xe trước nhà xe P. Tại thời điểm này trên xe có M, bà H1 và 05 đến 06 người khách khác. Khi đứng chờ xuống xe thì bà H1 có đeo 01 túi xách trên vai trái, bên trong túi xách có 01 cái ví nữ màu đen cùng quần áo. Bên trong ví có 01 căn cước công dân, 01 giấy phép lái xe hạng A1, 01 thẻ bảo hiểm, 04 sổ tiết kiệm (03 sổ mở tại Ngân hàng Thương mại cổ phần B, 01 sổ mở tại Ngân hàng N) tất cả đều mang tên Nguyễn Thị M3, 01 giấy đăng ký xe gắn máy biển số 37B1-295.65 mang tên Phan Trung T và số tiền 11.500.000 đồng.

Trong lúc chờ xuống xe thì M3 quan sát thấy bà H1 đứng phía sau M3 có đeo túi xách, phía sau không còn ai nên M3 nảy sinh ý định sẽ lấy trộm tài sản trong túi xách này của bà H1. M3 di chuyển vòng qua người bà H1 và lén lút lấy trộm ví trong túi xách, bỏ vào ba lô M3 đang cầm trên tay phải. M3 xuống xe đi ra Quốc lộ B và lên xe buýt số 613 tẩu thoát. Trên đường đi, M3 kiểm tra ví lấy trộm được thì phát hiện các giấy tờ nêu trên cùng số tiền 11.500.000 đồng, M3 lấy tiền bỏ vào ba lô còn giấy tờ thì vứt bỏ ngay điểm thu gom rác gần khu vực chợ Đ nông sản thành phố T. Số tiền trộm được M3 sử dụng hết vào mục đích tiêu xài cá nhân.

Sau khi mất trộm tài sản, bà H1 do bận công việc gia đình nên không đến Công an trình báo. Trong khoảng thời gian này, bà H1 phát hiện có một người đàn ông ăn mặc giống như M3 đang sinh sống gần nhà bà H1 nên ngày 05/9/2024, bà H1 đến Công an xã B trình báo. Qua truy xét, Cơ quan điều tra đã bắt giữ M3 vào ngày 07/9/2024.

Tại cơ quan điều tra, Phan Văn M đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như trên.

Vật chứng thu giữ:

- 01 áo sơ mi dài tay sọc ca rô màu xanh trắng, 01 nón lưỡi trai màu đen, 01 ba lô màu đen thu giữ của Phan Văn M, đây là quần áo M mặc lúc thực hiện hành vi phạm tội.

- 01 USB lưu giữ dữ liệu camera quan sát tại D Khu phố T, phường Đ, thành phố D, tỉnh Bình Dương; 01 USB dữ liệu camera hành trình của xe buýt biển số 51B1-4508 ghi nhận hình ảnh M, bà H1 có đi trên tuyến xe này.

Về dân sự: Gia đình bị cáo đã khắc phục bồi thường cho bà H1 số tiền 11.500.000 đồng; đối với 01 căn cước công dân, 01 giấy phép lái xe hạng A1, 01 thẻ bảo hiểm, 04 sổ tiết kiệm (03 sổ mở tại Ngân hàng Thương mại cổ phần B, 01 sổ mở tại Ngân hàng N) tất cả đều mang tên Nguyễn Thị M3, 01 giấy đăng ký xe gắn máy biển số 37B1-295.65 mang tên Phan Trung T, bà H1 đã làm lại và không bị mất tiền trong sổ tiết kiệm nên bà H1 không có yêu cầu gì thêm.

Tại bản cáo trạng số 20/CT-VKS.HM ngày 30/12/2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo Phan Văn M về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, bị cáo Phan Văn M khai nhận hành vi như nội dung cáo trạng truy tố.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa trình bày lời luận tội giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017:

- Tuyên bố bị cáo Phan Văn M phạm tội “Trộm cắp tài sản”;
- Đề nghị xử phạt bị cáo Phan Văn M mức án từ 01 (một) năm 06 (sáu) tháng đến 02 (hai) năm tù.

Về hình phạt bổ sung: Đề nghị xử phạt bị cáo Phan Văn M từ 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) đến 10.000.000 đồng (mười triệu đồng).

- Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã được bồi thường, không có yêu cầu gì khác nên không đề nghị.

- Về vật chứng của vụ án:

- + Đề nghị tịch thu tiêu hủy: 01 áo sơ mi dài tay sọc ca rô màu xanh trắng, 01 nón lưỡi trai màu đen, 01 ba lô màu đen thu giữ của Phan Văn M. Đây là trang phục M mặc khi thực hiện hành vi phạm tội và bị cáo không yêu cầu nhận lại.

+ Tiếp tục lưu giữ trong hồ sơ vụ án: 01 USB lưu giữ dữ liệu camera quan sát tại D Khu phố T, phường Đ, thành phố D, tỉnh Bình Dương; 01 USB dữ liệu camera hành trình của xe buýt biển số 51B1-4508 ghi nhận hình ảnh bị cáo M, bà H1 có đi trên tuyến xe này.

- Về án phí: Đề nghị buộc bị cáo chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện H, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra. Phù hợp với lời khai của bị hại và toàn bộ các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử nhận thấy đã có đủ cơ sở để kết luận: Vào khoảng 09 giờ ngày 01/9/2024, trên tuyến xe buýt số 33, trước nhà xe P thuộc bến xe A, xã B, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh, Phan Văn M đã có hành vi lén lút lấy trộm tài sản là 01 cái ví bên trong có số tiền 11.500.000 đồng của bị hại Nguyễn Thị H1.

Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự. Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố để xét xử bị cáo theo điều luật đã viện dẫn trên là đúng người, đúng tội nên buộc bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội; nhân thân, các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và việc áp dụng hình phạt.

Bị cáo là người đã thành niên, có khả năng lao động nhưng chỉ vì muốn có tiền tiêu xài nên đã lén lút thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của bị hại. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ mà còn gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an ở địa phương. Bị cáo có nhân thân xấu. Do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng hình phạt chính là phạt tù mới tương xứng với tính chất mức độ phạm tội mà bị cáo gây ra mới có tác dụng giáo dục riêng cho các bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tự nguyện bồi thường thiệt hại nên áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự khi quyết định mức hình phạt đối với bị cáo là phù hợp.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

Về hình phạt bổ sung: Xét tính chất, mức độ của hành vi phạm tội và hoàn cảnh của bị cáo. Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo là phù hợp.

[4] Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại: Bị hại đã được bồi thường, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về vật chứng của vụ án:

- 01 áo sơ mi dài tay sọc ca rô màu xanh trắng, 01 nón lưỡi trai màu đen, 01 ba lô màu đen thu giữ của Phan Văn M. Đây là trang phục M mặc khi thực hiện hành vi phạm tội. Bị cáo không yêu cầu nhận lại nên tịch thu tiêu hủy là phù hợp.

- Tiếp tục lưu giữ trong hồ sơ vụ án: 01 USB lưu giữ dữ liệu camera quan sát tại D Khu phố T, phường Đ, thành phố D, tỉnh Bình Dương; 01 USB dữ liệu camera hành trình của xe buýt biển số 51B1-4508 ghi nhận hình ảnh M, bà H1 có đi trên tuyến xe này.

[6] Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 50 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017:

Xử phạt bị cáo Phan Văn M 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày 07/9/2024.

2. Căn cứ vào Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu tiêu hủy: 01 áo sơ mi dài tay sọc ca rô màu xanh trắng, 01 nón lưỡi trai màu đen, 01 ba lô màu đen.

(Các vật chứng nêu trên hiện đang giữ tại kho vật chứng thuộc Chi cục thi hành án dân sự huyện Hóc Môn theo Quyết định chuyển vật chứng số 20/QĐ-VKS-HS ngày 19/12/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn và biên bản giao, nhận vật chứng ngày 30/12/2024).

- Tiếp tục lưu giữ trong hồ sơ vụ án: 01 USB lưu giữ dữ liệu camera quan sát tại D Khu phố T, phường Đ, thành phố D, tỉnh Bình Dương; 01 USB dữ liệu

camera hành trình của xe buýt biển số 51B1-4508 ghi nhận hình ảnh M, bà H1 có đi trên tuyến xe này.

3. Căn cứ vào khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

Về án phí: Bị cáo Phan Văn M phải chịu án phí hình sự sơ thẩm số tiền 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng).

4. Căn cứ vào Điều 331, Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- VKSND TP. HCM;
- Sở Tư pháp TP.HCM;
- VKSND huyện Hóc Môn;
- Cơ quan điều tra Công an huyện Hóc Môn;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hóc Môn;
- Nhà tạm giữ Công an huyện Hóc Môn;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**